



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

4. 10.

809. Obhāsayitvā paṭhaviṃ sadevakaṃ
atirocasi candimasuriyā viya,
siriya ca vaṇṇena yasena tejasā
brahmā va deve tidase sa-indake.¹

810. Pucchāmi taṃ uppalamāladhāriṇī²
āveḷiṇī kañcanasannibhattace,
alaṅkate uttamavatthadhāriṇī
kā tvaṃ subhe devate vandase mamaṃ.

811. Kiṃ tvaṃ pure kammamakāsi attanā
manussabhūtā purimāya jātiyā,
dānaṃ suciṇṇaṃ atha sīlasaññaṃ³
kenūpapannā⁴ sugatiṃ yasassinī,
devate pucchitācikkha kissa kammasidaṃ phalaṃ 'ti.

812. Idāni bhante imameva gāmaṃ
piṇḍāya amhāka gharaṃ upāgami,
tato te ucchussa adāsiṃ⁵ khaṇḍikaṃ
pasannacittā atulāya pītiyā.

¹ sa-h-indake - Ma, Syā, PTS.

² uppalamāladhāriṇī - Syā.

³ sīlasaññaṃ - Ma.

⁴ kenūpapannā - Ma.

⁵ adāsi - Ma, PTS.

4. 10.

809. “Sau khi làm chói sáng trái đất luôn cả chư Thiên, nàng sáng chói vượt trội, tựa như mặt trăng và mặt trời, với sự vinh quang, với sắc đẹp, với danh tiếng, và với quyền uy, tựa như vị Đại Phạm Thiên sáng chói vượt trội chư Thiên và thần Inda ở cõi Ba Mươi (Ba).

810. Hỡi cô nàng có mang tràng hoa sen xanh, có vòng hoa đội đầu, có làn da như là vàng, đã được trang điểm, có sự trang phục với loại vải thượng hạng, ta hỏi nàng: Hỡi nàng tiên xinh đẹp, nàng là ai mà đánh lể ta?

811. Trước đây, nàng đã tự mình tạo nghiệp gì, khi là con người ở kiếp sống trước đây, là việc bố thí đã khéo được thực hiện hay sự thu thúc giới hạnh? Nay cô nàng có danh tiếng, do việc (phước thiện) nào mà nàng đã được sanh lên chốn an vui? Nay nàng tiên, đã được hỏi, mong nàng thuật lại quả báu này là của nghiệp nào?”

812. “Thưa ngài, mới đây, ở chính ngôi làng này, ngài đã đi đến căn nhà của chúng tôi để khát thực. Do đó, có tâm tịnh tín, tôi đã dâng ngài khúc mĩa với niềm vui không gì sánh bằng.

813. Sassu ca pacchā anuyuñjate mamaṃ
kahaṃ nu ucchu¹ vadhake² avākiri,³
nacchaḍḍhitam⁴ no pana khāditam mayā
santassa bhikkhussa sayam adāsaham.⁵
814. Tuyham nvidaṃ⁶ issariyam atho mama
itissā⁷ sassu paribhāsate mamaṃ,
leḍḍum gahetvā pahāram adāsi me
tato cutā kālakatāmhi devatā.
815. Tadeva kammaṃ kusalam kataṃ mayā
sukhañca kammaṃ anubhomi attanā,
devehi saddhiṃ paricārayāmahaṃ⁸
modāmahaṃ kāmagaṇehi pañcahi.
816. Tadeva kammaṃ kusalam kataṃ mayā
sukhañca kammaṃ anubhomi attanā,
devindaguttā tidasehi rakkhitā
samappitā kāmagaṇehi pañcahi.
817. Etādisaṃ puññaphalaṃ anappakaṃ
mahāvīpākā mama ucchudakkhiṇā,
devehi saddhiṃ paricārayāmahaṃ⁸
modāmahaṃ kāmagaṇehi pañcahi.
818. Etādisaṃ puññaphalaṃ anappakaṃ
mahājutikā⁹ mama ucchudakkhiṇā,
devindaguttā tidasehi rakkhitā,
sahassanettoriva¹⁰ nandane vane.
819. Tuvañca bhante anukampakaṃ vidum
upecca vandiṃ kusalañca pucchisaṃ,¹¹
tato te ucchussa adāsiṃ¹² khaṇḍikaṃ
pasannacittā atulāya pītiyā ”ti.

Ucchuvimānaṃ.

¹ ucchuṃ - PTS.

² vadhuke - Ma, PTS; vadhu te - Syā.

³ avākiri - Ma; avākari - Syā.

⁴ na chaḍḍitam - Ma, PTS.

⁵ adāsiham - Syā.

⁶ tuyhañcidaṃ - Syā.

⁷ itissa - Syā, PTS.

⁸ paricāriyāmahaṃ - Syā.

⁹ mahājutikā - Ma, Syā.

¹⁰ sahasanettoviya - katthaci.

¹¹ pucchimaṃ - Syā.

¹² adāsi - Syā, PTS.

813. Và sau đó, mẹ chồng chất vấn tôi rằng: ‘Này cô dâu, cô đã ném bỏ khúc mía ở chỗ nào?’ ‘Con đã không quăng bỏ, hơn nữa con cũng không có ăn, con đã đích thân dâng đến vị tỳ khuru an tịnh.’

814. ‘Quyền hành này là thuộc về cô hay thuộc về tôi?’ Người mẹ chồng đã mắng chửi tôi như thế, rồi đã cầm lấy cục đất và ban cho tôi cú đánh. Đã chết từ nơi ấy, tôi đã qua đời, trở thành vị Thiên nhân.

815. Chính nghiệp thiện ấy đã được tạo ra bởi tôi. Và tôi được hưởng nghiệp an lạc nhờ vào bản thân. Tôi tiêu khiển cùng với chư Thiên, tôi vui sướng với năm loại dục.

816. Chính nghiệp thiện ấy đã được tạo ra bởi tôi. Và tôi được hưởng nghiệp an lạc nhờ vào bản thân. Được hộ trì bởi vị Chúa của chư Thiên, được bảo vệ bởi chư Thiên ở cõi Ba Mươi (Ba), tôi được cung ứng với năm loại dục.

817. Quả của phước thiện như thế ấy không phải là ít, việc cúng dường mía của tôi là có quả thành tựu lớn lao. Tôi tiêu khiển cùng với chư Thiên, tôi vui sướng với năm loại dục.

818. Quả của phước thiện như thế ấy không phải là ít, việc cúng dường mía của tôi có sự vinh quang lớn lao. Được hộ trì bởi vị Chúa của chư Thiên, được bảo vệ bởi chư Thiên ở cõi Ba Mươi (Ba), (tôi) tựa như vị Thần Ngàn Mắt ở khu rừng Nandana.

819. Và thưa ngài, sau khi đến gần ngài, vị có lòng thương xót, có sự hiểu biết, tôi đã đánh lễ và đã hỏi về sức khỏe. Do đó, có tâm tịnh tín, tôi đã dâng ngài khúc mía với niềm vui không gì sánh bằng.”¹

Thiên Cung Khúc Mía.

¹ Chuyện *Thiên Cung Khúc Mía* này giống như chuyện *Thiên Cung của Người Nữ Bồ Thí Mía* (các câu kệ 297-307), chỉ thay đổi một chi tiết là “cầm lấy cục đất” thay vì “cầm lấy chiếc ghè” trong việc đả thương cô con dâu của người mẹ chồng.